

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		

THÔNG TƯ số 08/2003/TT-BTC ngày 15/01/2003 hướng dẫn thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng đối với Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự và Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự nước ngoài và Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng đối với Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự và Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn

trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam nêu tại điểm 2 dưới đây để sử dụng, được hoàn lại thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

1. Đối tượng được hưởng miễn trừ ngoại giao:

- Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự nước ngoài, Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc đóng tại Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Cơ quan đại diện) và người đứng đầu các Cơ quan đại diện này.

- Các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và các nhân viên hành chính kỹ thuật của các Cơ quan đại diện.

- Cơ quan đại diện của Tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên hợp quốc và thành viên cơ quan được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế giá trị gia tăng theo thỏa thuận của Chính phủ Việt Nam đã ký kết với tổ chức đó.

2. Hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế giá trị gia tăng:

2.1. Đối với Cơ quan đại diện và người đứng đầu Cơ quan đại diện:

- Dịch vụ thuê nhà làm trụ sở Cơ quan đại diện hoặc nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Điện, nước sinh hoạt dùng cho trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Các dịch vụ thông tin liên lạc: điện thoại (kể cả điện thoại di động), fax, internet... và dịch vụ lắp đặt, kết nối các thiết bị thông tin liên lạc này.

- Xăng hoặc dầu diesel cho xe ô tô của Cơ quan đại diện mang biển số ngoại giao (NG) và nước ngoài (NN): không quá 1200 lít/xe/quý.

- Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho việc xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhà là trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị khác sử dụng cho trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Hàng hóa mua theo định lượng quy định tại Thông tư liên Bộ số 04/TTLB ngày 12/2/1996 và Thông tư liên Bộ số 04BS/TTLB ngày 20/10/1996 của liên Bộ Thương mại - Ngoại giao - Tài chính - Tổng cục Hải quan.

2.2. Đối với các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và các nhân viên hành chính kỹ thuật của các Cơ quan đại diện:

- Hàng hóa mua theo định lượng quy định tại Thông tư liên Bộ số 04/TTLB ngày 12/2/1996 và Thông tư liên Bộ số 04BS/TTLB ngày 20/10/1996 của liên Bộ Thương mại - Ngoại giao - Tài chính - Tổng cục Hải quan.

- Xăng hoặc dầu diesel dùng cho xe ô tô mang biển ngoại giao (NG): không quá 900 lít/xe/quý.

3. Các trường hợp được phép chuyển nhượng tài sản là nhà ở, xe ô tô, xe gắn máy giữa các Cơ quan đại diện và các thành viên của Cơ quan đại diện, thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao, không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng khác phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao (sau đây gọi là nhà cung cấp), phải lập hóa đơn giá trị gia tăng và tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Số thuế giá trị gia tăng được hoàn trả theo từng quý (quý theo năm dương lịch). Trường hợp vì lý do như chuyển trụ sở đến tỉnh, thành phố khác hoặc kết thúc nhiệm kỳ công tác về nước thì việc giải quyết hoàn thuế được xác định đến thời điểm có sự thay đổi.

Trường hợp các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao đã ký hợp đồng với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo giá không có thuế giá trị gia tăng thì phải điều chỉnh thành hợp đồng theo giá có thuế giá trị gia tăng. Nếu không điều chỉnh kịp hoặc không thể điều chỉnh được hợp đồng thì nhà cung cấp phải có văn bản gửi cơ quan thuế địa phương, kèm theo hợp đồng và Giấy chứng nhận miễn trừ thuế giá trị gia tăng do Vụ Lễ tân (Bộ Ngoại giao) cấp, để được xác nhận tiếp tục thực hiện tính thuế theo quy định tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính. Thời gian tối đa áp dụng quy định tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC là đến ngày 31 tháng 3 năm 2003.

Đối với hợp đồng dịch vụ thuê văn phòng, nhà ở, thuê phương tiện vận chuyển đã ký trước ngày 01/10/2002 mà các Cơ quan đại diện đã thanh toán tiền trước cho một thời hạn thuê, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, và nhà cung cấp đã xuất hóa đơn theo giá không có thuế giá trị gia tăng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại hợp đồng và hóa đơn thanh toán cho đến hết thời hạn thanh toán.

3. Quy định về thủ tục và hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng.

a) Thủ tục đăng ký cấp mã số thuế:

Các Cơ quan đại diện thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng lập Tờ khai đăng ký mã số thuế theo mẫu số 06-ĐK-TCT, ban hành kèm theo Thông tư này (*), kèm theo Xác nhận Cơ quan đại diện thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng của Vụ Lễ tân (Bộ Ngoại giao). Các Cơ quan đại diện gửi Tờ khai đăng ký mã số thuế đã được lập theo mẫu trên cho Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở Cơ quan đại diện.

Cục thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế và gửi xác nhận mã số thuế cho các Cơ quan đại diện trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ khai đăng ký mã số thuế kê khai đầy đủ, chính xác theo quy định.

Đối với các đối tượng khác thuộc Cơ quan đại diện như người đứng đầu Cơ quan đại diện, các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự... thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Mục I Thông tư này được kê danh sách khi đăng ký cấp mã số thuế của Cơ quan đại diện. Trong các trường hợp cần thiết và để thuận tiện trong việc quản lý theo dõi hoàn thuế giá trị gia tăng, Cơ quan đại diện có thể đề nghị cơ quan thuế xem xét việc cấp mã số thuế phụ cho các đối tượng này.

b) Hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng:

Cơ quan đại diện lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng của từng quý gửi cho Vụ Lễ tân (Bộ Ngoại giao). Hồ sơ gồm có:

- Công hàm đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng của Cơ quan đại diện.

- Tờ khai hoàn thuế giá trị gia tăng có xác nhận của Vụ Lễ tân (Bộ Ngoại giao).

- Bản gốc (kèm theo 2 bản sao có đóng dấu của Cơ quan đại diện) các hóa đơn giá trị gia tăng. Cơ quan thuế sẽ trả lại các hóa đơn gốc cho Cơ quan đại diện sau khi thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng.

* Không in mẫu.

Hóa đơn giá trị gia tăng được coi là hợp lệ là các hóa đơn giá trị gia tăng do Bộ Tài chính phát hành hoặc các hóa đơn tự in của các doanh nghiệp thuộc những ngành đặc thù (điện, nước, bưu điện, hàng không, xăng, dầu...) và những doanh nghiệp khác đã được Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chấp thuận. Trên hóa đơn phải được phản ánh đầy đủ, đúng các nội dung, chỉ tiêu quy định.

Trong vòng 10 ngày đầu của tháng đầu quý, các Cơ quan đại diện lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế của quý trước và gửi hồ sơ cho Vụ Lễ tân - Bộ Ngoại giao để xác nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng (Ví dụ: thời hạn gửi hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của quý I năm 2003 là trước ngày 11 tháng 4 năm 2003).

Cơ quan đại diện ngoại giao khi lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế phải kê khai đúng thực tế và chính xác các số liệu, mẫu biểu và chịu trách nhiệm về số liệu kê khai.

4. Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan giải quyết hồ sơ hoàn thuế:

a) Vụ Lễ tân - Bộ Ngoại giao:

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ, Vụ Lễ tân có trách nhiệm xem xét hồ sơ và xác nhận về đối tượng, danh mục và số lượng hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế giá trị gia tăng. Sau khi Vụ Lễ tân đã có xác nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng, Vụ Lễ tân chuyển hồ sơ cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết.

Đối với trường hợp không thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng, hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng được lập không đầy đủ, Vụ Lễ tân gửi trả hồ sơ hoàn thuế cho Cơ quan đại diện.

b) Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét hồ sơ và giải quyết hoàn thuế cho các đối tượng đề nghị hoàn thuế trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ

hồ sơ. Trường hợp trong quá trình kiểm tra hồ sơ để thực hiện hoàn thuế, Cục Thuế phải xác minh hóa đơn nên thời gian phải kéo dài 30 ngày thì Cục Thuế phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đại diện biết về việc kéo dài thời hạn giải quyết hoàn thuế nhưng thời hạn tối đa không quá 60 ngày.

Sau khi kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, Cục Thuế xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn và ra Quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng.

c) Kho bạc Nhà nước:

Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho các Cơ quan đại diện trong thời hạn tối đa là 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế.

Tiền hoàn thuế giá trị gia tăng được sử dụng từ Quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng.

và áp dụng giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từ ngày 01 tháng 10 năm 2002.

- Các quy định tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao trên nguyên tắc bình đẳng và có đi có lại. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về thuế giá trị gia tăng khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

- Các quy định trước đây của Bộ Tài chính về việc thực hiện miễn trừ thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao khác với quy định tại Thông tư này không còn hiệu lực thi hành./.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

- Thông tư này được thực hiện kể từ ngày ký

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG